

Số: 1287/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Phát

Ông Nguyễn Văn Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2024/QĐST-DS ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: 111A Đường W, Phường E, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Minh H, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2024) (Có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N

Địa chỉ: 162/43A Đường T, Phường Y, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Vương H

Địa chỉ: G01A Đường U, Phường I, quận O, Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Vương H: Ông Nguyễn Duy H, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2024) (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thu T

Địa chỉ: KP A, Phường S, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy H, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/8/2024) (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn - Ông Trần Minh H trình bày:*

Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là C HCM) đã ký với ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N Hợp đồng vay linh hoạt số 500115207/AMB-CBAVN ký ngày 28/8/2015 với nội dung: Ngân hàng C cho ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: vay cá nhân phục vụ nhu cầu hộ kinh doanh cá thể; Thời hạn vay: 36 tháng; Mức lãi suất đối với dư nợ gốc trong mỗi kỳ tính lãi do Ngân hàng xác định vào ngày giải ngân và được Ngân hàng điều chỉnh hàng tháng. Ngân hàng sẽ thông báo về lãi suất và lãi suất điều chỉnh cho Bên vay vào ngày do Ngân hàng xác định và Bên vay bằng Hợp đồng này chấp thuận (các) thông báo đó của Ngân hàng.

Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã ký với ông Nguyễn Vương H và bà Nguyễn Thị Thu T Hợp đồng bảo lãnh cá nhân ngày 31/8/2015 với nội dung: Ông Nguyễn Vương H và bà Nguyễn Thị Thu T (Bên Bảo lãnh) bằng hợp đồng này bảo lãnh và cam kết không hủy ngang và vô điều kiện với Bên Nhận Bảo lãnh rằng nếu Bên vay không thanh toán một phần hay toàn bộ Nghĩa vụ được Bảo lãnh, sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mà Bên vay phải thanh toán cho Bên Nhận Bảo lãnh theo Hợp đồng vay ngay khi có yêu cầu lần đầu bằng văn bản của Bên Nhận Bảo lãnh, miễn là toàn bộ trách nhiệm cần thực thi cuối cùng của Bên Bảo lãnh sẽ không vượt quá 500.000.000 đồng cộng với tiền lãi phát sinh, các chi phí pháp lý và chi phí ngân hàng liên quan và kể từ ngày Bên Nhận Bảo lãnh yêu cầu cho đến khi thanh toán ("Nghĩa vụ được Bảo lãnh").

Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã giải ngân cho ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N theo Thông báo rút vốn ngày 28/8/2015 với số tiền 500.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng vay linh hoạt số 500115207/AMB-CBAVN ký ngày 28/8/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế chấp đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 09/11/2018 và đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng Q) yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận giải quyết đối với bị đơn các vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc là 302.268.127 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến

ngày 30/9/2024 là 836.845.196 đồng (Trong lãi trong hạn là 56.005.979 đồng và lãi quá hạn là 780.038.217 đồng).

- Trường hợp ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q thì yêu cầu ông Nguyễn Vương H và bà Nguyễn Thị Thu T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Q theo quy định tại Hợp đồng bảo lãnh cá nhân.

*2. Bị đơn ông Nguyễn Duy H trình bày:*

Ông H có vay tại Ngân hàng C số tiền 500.000.000 đồng. Trong thời gian vay, ông H thanh toán đầy đủ theo quy định của hợp đồng và số tiền gốc còn nợ là 302.268.127 đồng. Khi Ngân hàng C giải thể và ông H không được thông báo và hướng dẫn để liên hệ với Ngân hàng Q tiếp nhận khoản vay do C bán lại cho Ngân hàng Q nên ông không biết để thanh toán theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký. Đến khi Ngân hàng Q khởi kiện ông H mới biết khoản nợ đã bị mua lại bởi Ngân hàng Q. Ông H đồng ý trả nợ gốc còn lại theo quy định của hợp đồng theo từng kỳ thanh toán của Hợp đồng. Với khoản vay này ông hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán, bà Trần Thị Hồng N là vợ cũ đã ly hôn và không hưởng lợi từ số tiền trên, vì đây là khoản vay cá nhân của ông nên ông có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Các bên liên quan gồm ông Nguyễn Vương H và bà Nguyễn Thị Thu T là thành viên trong Công ty CP D cũng không liên quan đến khoản vay. Ông Vương H và bà Thu T chỉ đảm bảo với Ngân hàng nếu ông Duy H không thể thanh toán khoản vay thì để Công ty thanh toán. Nhưng đến nay Công ty đã phá sản nên khoản vay này do ông Duy H hoàn toàn chịu trách nhiệm thanh toán.

Với tình hình hiện tại, ông Duy H đồng ý trả tiền gốc là 302.268.127 đồng. Khoản tiền lãi quá hạn và phí phạt vượt mức ông không đồng ý trả vì để khoản vay quá hạn là do lỗi của 02 Ngân hàng không thông báo cho khách hàng biết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N có nơi cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng N, ông Nguyễn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử bao gồm: tiền vốn gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng vay linh hoạt số 500115207/AMB-CBAVN ký ngày 28/8/2015 giữa Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N, thì Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã giải ngân cho ông H và bà N số tiền 500.000.000 đồng theo Thông báo rút vốn ngày 28/8/2015.

Theo Điều 11 Các quy định điều khoản và điều kiện chung cho khoản vay linh hoạt/khoản tín dụng thấu chi số tham chiếu: VNB029 140808 quy định về Chuyển nhượng: *“Ngân hàng có thể vào bất kỳ thời điểm nào, chuyển nhượng hay chuyển giao toàn bộ hay bất kỳ quyền, quyền lợi hay nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng và các điều khoản và Điều khoản Chung này cho bất kỳ tổ chức nào trong và ngoài Việt Nam ngay khi có thông báo trước bằng văn bản đến Bên vay.”*

Tại Công văn số 9235/NHH-TTGSNH ngày 01/12/2016 Ngân hàng Nhà nước chấp nhận việc đóng cửa Ngân hàng C – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và mở Chi nhánh Ngân hàng Q trên cơ sở nhận chuyển giao tài sản, công nợ từ C HCM theo đề nghị của hai Ngân hàng được thực hiện đúng nguyên tắc và quy trình tại Phụ lục đính kèm. Theo đó dư nợ của khách hàng được thực hiện việc bán nợ theo Thông tư 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua bán nợ của TCTD, CNNHNNg, Ngân hàng Q thành lập Chi nhánh mới tại chính địa điểm đặt trụ sở của C HCM và tiếp quản toàn bộ mạng lưới ATM của C HCM nhằm phục vụ giao dịch của khách hàng được liên tục.

Theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng vay linh hoạt thì mức lãi suất đối với dư nợ gốc trong mỗi kỳ tính lãi do Ngân hàng xác định vào ngày giải ngân và được Ngân hàng điều chỉnh hàng tháng. Ngân hàng sẽ thông báo về lãi suất và lãi suất điều chỉnh cho Bên vay vào ngày do Ngân hàng xác định và Bên vay bằng Hợp đồng này chấp thuận (các) thông báo đó của Ngân hàng và lãi quá hạn là lãi suất cao nhất là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tại Điều 6 của Hợp đồng thì bên vay phải hoàn trả đầy đủ dư nợ của Khoản tín dụng cho Ngân hàng theo Phụ lục 3 (*Lịch Hoàn trả*) của Hợp đồng với mức lãi suất là 21%/năm. Ngân hàng không cần phải có thêm chỉ thị hoặc cho phép nào từ Bên vay đối với việc ghi nợ đó. Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông Hoài cũng thừa nhận và thống nhất xác nhận số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng đã ký với C HCM là 302.268.127 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn số tiền nợ gốc 302.268.127 đồng là có cơ sở chấp nhận theo Điều 365 của Bộ luật dân sự 2015.

Do bà Trần Thị Hồng N cùng ký hợp đồng vay với ông H nên phải có nghĩa vụ chung. Vì vậy đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền nợ lãi tổng cộng là 1.138.313.323 đồng (Trong đó gốc là 302.268.127 đồng, lãi trong hạn là 56.005.979 đồng và lãi quá hạn là 780.039.217 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra ông H và bà N còn phải chịu tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Xét yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Vương H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N không thực hiện đúng nghĩa vụ với Ngân hàng Q.

Tại Hợp đồng bảo lãnh ngày 31/8/2015 thể hiện nội dung bà Thu T và ông Vương H có nghĩa vụ bảo lãnh vô điều kiện với số tiền không vượt quá 500.000.000 đồng cộng với tiền lãi phát sinh là nghĩa vụ của cho ông Duy H và bà Hồng N trong việc thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký hoặc sẽ ký giữa C HCM với ông Duy H và bà Hồng N. Căn cứ Điều 335, 338, 339 và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho bị đơn trong trường hợp bị đơn không trả nợ được cho Ngân hàng Q theo Hợp đồng vay linh hoạt số 500115207/AMB-CBAVN ngày 28/8/2015, là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 1.138.313.323 đồng, được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 335, 338, 339 và Điều 342, 365 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q:**

*1.1. Buộc ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 1.138.313.323 (Một tỷ một trăm ba mươi tám triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi ba) đồng (Trong đó gốc là 302.268.127 đồng, lãi trong hạn là 56.005.979 đồng và lãi quá hạn là 780.039.217 đồng) theo Hợp đồng vay linh hoạt số 500115207/AMB-CBAVN ngày 28/8/2015.*

*1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

*1.3. Ông Nguyễn Vương H và bà Nguyễn Thị Thu T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q trong trường hợp ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Q.*

**2. Về án phí:**

- Ông Nguyễn Duy H và bà Trần Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.149.400 (Bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm) đồng.

- Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.765.000 (Hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0032098 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Về quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Út**